

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2018/HNGĐ-ST.**

Ngày: **10/4/2018.**

“V/v : Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yển.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lắm.

2. Bà Huỳnh Thị Yển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Ch, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 4 - Xã H - Huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- Bị đơn: Chị Trịnh Thu H, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 4 - Xã H - Huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- Người có quyền lợi liên quan:

Em Phan Thị Bích Ph, sinh ngày 05/02/2000; địa chỉ: Thôn 4 - Xã H - Huyện T - Bình Thuận: Vắng mặt.

Em Phan Trịnh Nhật H, sinh ngày 04/11/2004; địa chỉ: Thôn 4 - Xã H - Huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

Em Phan Thị Hải Y, sinh ngày 21/5/2009; địa chỉ: Thôn 4 - Xã H - Huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa hôm nay của nguyên đơn – Anh Phan Ch trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Ch và chị Trịnh Thu H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào năm 1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng Ch sống hạnh phúc được một thời gian. Do chị H thường kiếm chuyện gây gổ với cha mẹ chồng và hàng xóm láng giềng; chị H còn thường dùng những lời lẽ xúc đến đến danh dự của anh Ch. Mặc dù, anh Ch nhiều lần vận động chị H thay đổi tính tình để vợ chồng tiếp tục Ch sống lại với nhau. Thế nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh Ch nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không còn tình cảm với chị H nên đề nghị giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh Ch và chị H có ba người con chung tên là Phan Thị Bích Phương, sinh ngày 05/02/2000; Phan Trịnh Nhật H, sinh ngày 04/11/2004 và Phan Thị Hải Y, sinh ngày 21/5/2009. Nếu chị H không có nguyện vọng nuôi các con thì anh Ch yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 03 người con này cho đến khi thành niên và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ch và chị H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Ch không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

- Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa hôm nay của bị đơn – Chị Trịnh Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thu H và anh Phan Ch tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào năm 1998. Mặc dù trong cuộc sống chị H có mâu thuẫn với cha mẹ ruột anh Ch; thế nhưng chị H và anh Ch vẫn Ch sống hạnh phúc với nhau. Chị H cho rằng anh Ch vẫn còn tình cảm với chị H, nhưng do cha mẹ ruột xúi giục nên anh Ch làm đơn yêu cầu ly hôn. Chị H vẫn còn tình cảm với anh Ch và mong muốn vợ chồng tiếp tục Ch sống với nhau nên không chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh Ch có ba người con chung tên là Phan Thị Bích Phương, sinh ngày 05/02/2000; Phan Trịnh Nhật H, sinh ngày 04/11/2004 và Phan Thị Hải Y, sinh ngày 21/5/2009. Chị H cho rằng do các con đều mong muốn được sống chung với cha và mẹ, chị H tôn trọng nguyện vọng của các con nên chị H không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Ch tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa hôm nay, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Cháu Phan Thị Hải Y và Phan Trịnh Nhật H đều trình bày thống nhất như sau:

Trong thời gian Ch sống, chị H và anh Ch thường gây gổ, cãi vã nhau. Hiện nay, ba mẹ không còn chung sống với nhau. Tại phiên tòa, cháu Phan Thị Hải Y và

Phan Trịnh Nhật H không muốn ba mẹ ly hôn nên có nguyện vọng được sống chung với ba mẹ.

- Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án những chứng cứ sau:

+ 01 Trích lục kết hôn (bản sao) số 36/TLKH-BS, ngày 23/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

+ 01 Giấy khai sinh (bản sao) số 17, ngày 18/4/2002 của xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, mang tên Phan Thị Bích Ph.

+ 01 Trích lục khai sinh (bản sao) số 175/TLKS-BS, ngày 24/11/2017 của Ủy ban nhân dân xã Xã H, mang tên Phan Trịnh Nhật H.

+ 01 Trích lục khai sinh (bản sao) số 174/TLKS-BS, ngày 24/11/2017 của Ủy ban nhân dân xã Xã H, mang tên Phan Thị Hải Y.

Ngoài ra, vào ngày 16/01/2018, Tòa án đã tiến xác minh tại địa phương xã H về tình trạng quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh Ch, chị H.

- Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Ch và chị Trịnh Thị H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào năm 1998. Trong quá trình chung sống, giữa chị H và cha mẹ chồng xảy ra mâu thuẫn từ đó vợ chồng nhiều lần gây gổ, cãi vã nhau và anh Ch có nhiều lần đánh đập chị H, đồng thời vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 03 tháng nay.

Về con chung: Chị H và anh Ch có ba người con chung tên là Phan Thị Bích Phương, sinh ngày 05/02/2000; Phan Trịnh Nhật H, sinh ngày 04/11/2004 và Phan Thị Hải Y, sinh ngày 21/5/2009.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Ch tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án phân xử.

- Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Anh Ch cho rằng vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên không muốn tiếp tục chung sống với chị H nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; còn chị H cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, Chị H mong muốn được tiếp tục chung sống với anh Ch nên không đồng ý ly hôn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 58 BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Phan Ch được ly hôn với chị Trịnh Thu H.

Về con chung: Giao cháu Phan Thị Hải Y, sinh ngày 21/05/2009 và cháu Phan Trịnh Nhật H, sinh ngày 04/11/2004 cho anh Ch được quyền nuôi dưỡng.

Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền thăm nom con; không ai được ngăn cản.

Về án phí: Anh Phan Ch phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Về quan hệ pháp luật pháp luật trong vụ án:

Anh Phan Ch yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và giải quyết việc nuôi con; Ngoài ra các đương sự đều không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phan Ch và chị Trịnh Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào năm 1997. Mặc dù tại phiên tòa, chị Trịnh Thu H cho rằng thời gian qua anh Ch và chị H vẫn còn chung sống hạnh phúc với nhau. Do anh Ch bị cha mẹ ruột xúi giục và ép buộc nên mới làm đơn ly hôn với chị H. Thế nhưng, anh Ch không chấp nhận lời khai của chị H mà xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau khoảng được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Do trong thời gian này, chị H và cha mẹ ruột anh Ch thường xảy ra những bất đồng. Anh Ch nhiều lần vận động, khuyên răn chị H thay đổi tính tình để vợ chồng Ch sống với nhau nhưng mâu thuẫn giữa chị H và cha mẹ ruột anh Ch vẫn xảy ra vì lý do này, anh Ch và chị H thường xuyên cãi vã lẫn nhau; thỉnh thoảng anh Ch có đánh đập chị H. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh Ch đã sống ly thân với chị H.

Tại các biên bản xác minh (bút lục 36, 38) thể hiện: Trong quá trình chung sống ở địa phương, chị H và anh Ch thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Giữa chị H với gia đình anh Ch thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Cuộc sống vợ chồng anh Ch và chị H không có hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù tại phiên tòa chị H thừa nhận vẫn còn tình cảm với anh Ch và không đồng ý ly hôn. Thế nhưng, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên và các tài liệu được thu thập trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nhận thấy cuộc sống vợ chồng anh Ch và chị H không có hạnh phúc. Anh Ch không còn tình cảm gì với chị H. Anh Ch và chị H đã sống ly thân với nhau. Thời gian này không còn ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho anh Phan Ch được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung:

Chị Trịnh Thị H và anh Phan Ch có chung ba người con Ch tên là Phan Thị Bích Phương, sinh ngày 05/02/2000; Phan Trịnh Nhật H, sinh ngày 04/11/2004 và Phan Thị Hải Y, sinh ngày 21/5/2009. Hiện nay, các người con này đang chung sống với chị H. Do các con đều có nguyện vọng được sống cùng với ba mẹ nên chị H không có yêu cầu gì. Anh Ch trình bày: Nếu chị H không có nguyện vọng được nuôi các con thì anh Ch chấp nhận nuôi ba người con chung này.

Xét thấy: Đối với Phan Thị Bích Ph, sinh ngày 05/02/2000 tính đến thời điểm phiên tòa hôm nay cháu Phương đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Đối với Phan Trịnh Nhật H, Phan Thị Hải Y trình bày có nguyện vọng đều được sống chung với anh Ch và chị H. Do tại phiên tòa chị H không có yêu cầu gì về nuôi con. Thế nhưng, căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 01/3/2018 (bút lục 49) thể hiện chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Phan Thị Hải Y. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần giao cho anh Phan Ch được quyền nuôi dưỡng người con chung tên là Phan Trịnh Nhật H, sinh năm 2004; giao cho chị Trịnh Thu H được quyền nuôi dưỡng con chung tên là Phan Thị Hải Y cho đến khi thành niên là phù hợp tại các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung:

Chị H và anh Ch không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Về án phí: Cần buộc anh Phan Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ NH Nước là phù hợp với Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phan Ch được ly hôn với chị Trịnh Thu H.

2. *Về con chung:*

- Buộc chị Trịnh Thu H phải giao cho anh Phan Ch có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên là Phan Trịnh Nhật H, sinh ngày 04/11/2004 cho đến khi thành niên.

- Tiếp tục giao cho chị Trịnh Thu H có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên là Phan Thị Hải Y, sinh ngày 21/5/2009 cho đến khi thành niên.

- Chị Trịnh Thu H, anh Phan Ch không phải cấp dưỡng tiền nuôi con qua lại cho nhau; nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con; không ai được quyền cản trở.

3. *Về án phí:* Buộc anh Phan Ch phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là: 300.000đồng mà anh Ch đã nộp theo biên lai số N.0 0012338, ngày 22/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh Ch đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/4/2018), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- C.C Thi hành án;
- UBND xã H (thay TB);
- Lưu VP, án văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến